



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Báo cáo tài chính Riêng Quý 2
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN THỰC
PHẨM HỒNG HÀ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG
HÀ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5500512492
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.07.30 22:25:24+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2	
Báo cáo tình hình tài chính riêng Quý 2	3 – 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng Quý 2	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng Quý 2	7 – 29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty") thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500512492 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp bổ sung lần thứ 19 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông nghiệp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bộ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Giang Hoàng Vũ	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/06/2026
Ông Đỗ Hoàng Anh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/06/2026
Ông Phạm Văn Luận	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/08/2025
Bà Trần Thị Thu Hải	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/06/2026
Ông Trần Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/06/2026
Ông Lê Cao Minh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/06/2026
Ông Nguyễn Khánh Tùng	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 06/02/2026
Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 30/06/2026
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	Miễn nhiệm ngày 30/06/2026
Ông Hồ Công Danh	Thành viên độc lập HĐQT	Miễn nhiệm ngày 30/06/2026
Ông Kunwar Pramod Singh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 30/06/2026

Ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bộ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Giang Hoàng Vũ	Chủ tịch UBKT	Bổ nhiệm ngày 06/02/2026
		Miễn nhiệm ngày 01/07/2026
Ông Nguyễn Khánh Tùng	Chủ tịch UBKT	Bổ nhiệm ngày 01/07/2026
Bà Trần Thị Thu Hải	Thành viên UBKT	Bổ nhiệm ngày 01/07/2026

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bộ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Luận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/08/2025
Ông Phan Giang Châu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 12/08/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Văn Luận - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng giai đoạn phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng Quý 2, kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng Quý 2 của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng Quý 2 này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng Quý 2 hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2026.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng Quý 2 đính kèm. Báo cáo tài chính riêng Quý 2 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng Quý 2 cho kỳ giai đoạn kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



ÔNG PHẠM VĂN LUẬN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.470.262.925	99.713.092.163
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.174.588.481	29.391.534.606
Tiền	111		1.174.588.481	29.391.534.606
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		59.682.346.716	60.843.875.892
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2.1	38.129.958.000	34.410.780.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2.1	(5.293.288.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.2.2	26.845.676.716	26.433.095.892
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.548.982.106	9.427.181.103
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.3.1	12.544.982.106	9.427.181.103
Hàng tồn kho	140		-	-
Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	160		64.345.622	50.500.562
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.4.1	4.727.179	9.701.161
Thuế GTGT được khấu trừ	162		59.618.443	40.799.401
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		344.153.802.650	386.780.939.288
Các khoản phải thu dài hạn	210		86.825.000.000	59.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	215	5.3.2	86.825.000.000	59.000.000.000
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	260		257.320.303.943	327.772.440.581
Đầu tư vào công ty con	261	5.2.3	224.500.000.000	334.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	5.2.3	33.730.000.000	-
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(909.696.057)	(6.727.559.419)
Tài sản dài hạn khác	270		8.498.707	8.498.707
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.7.2	8.498.707	8.498.707
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		417.624.065.575	486.494.031.451

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		14.501.721.238	92.687.381.044
Nợ ngắn hạn	310		14.501.721.238	92.687.381.044
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.5	134.837.371	123.761.783
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.6	1.975.994.477	135.429.553
Phải trả người lao động	315		66.227.001	58.807.200
Phải trả ngắn hạn khác	320	5.7	3.430.279.881	83.475.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.8	8.894.382.508	8.894.382.508
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		403.122.344.337	393.806.650.407
Vốn chủ sở hữu	410	5.9	403.122.344.337	393.806.650.407
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		385.673.630.000	385.673.630.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		385.673.630.000	385.673.630.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.447.191.254	4.447.191.254
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.001.523.083	3.685.829.153
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	420a		3.685.829.153	3.178.181.000
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	420b		9.315.693.930	507.648.153
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		417.624.065.575	486.494.031.451



PHAN GIANG CHÂU
Người lập



PHAN GIANG CHÂU
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN LUẬN

Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Người lập biểu
PHAN GIANG CHÂU



Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 07 năm 2026

$$\|H\|_{\infty} \leq \frac{1}{2} \left(\|H_1\|_{\infty} + \|H_2\|_{\infty} \right)$$

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG QUÝ 2

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	11.684.657.413	(7.496.572.646)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	-	553.746.624
Các khoản dự phòng	03	(524.575.362)	8.169.980.028
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(8.477.364.277)	(1.800.747.005)
Chi phí đi vay	06	32.741.588	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	2.715.459.362	(573.592.999)
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(72.125.836.592)	(64.867.625.299)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	-	-
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(80.554.623.289)	5.474.146.257
(Tăng)/giảm chi phí chờ phân bổ	12	4.973.982	114.953.842
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	(3.719.178.000)	(18.921.485.023)
Chi phí đi vay đã trả	14	(32.741.588)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(159.775.437)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(153.711.946.125)	(78.933.378.659)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(27.825.000.000)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(32.630.000.000)	(26.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	780.000.000	32.460.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(32.630.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	217.800.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	1.800.747.005
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	125.495.000.000	8.260.747.005
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(28.216.946.125)	(70.672.631.654)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	29.391.534.606	78.826.607.700
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	1.174.588.481	8.153.976.046

Người lập biểu
PHAN GIANG CHÂU

Kế toán trưởng
PHAN GIANG CHÂU



Tổng Giám đốc
PHẠM VĂN LUẬN

Phê duyệt, ngày 30 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính riêng Quý 2 đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển thực phẩm Hồng Hà là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500512492, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 19 ngày 13 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê xe có động cơ
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Loại trừ bán buôn các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
- Sản xuất pin và ắc quy
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Công ty chưa phát sinh doanh thu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Hồng Hà	208F Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	98,00%	98,00%	98,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	Bản Tà Làng Trung, Xã Chiềng Hắc, Tỉnh Sơn La, Việt Nam	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu	98,14%	98,14%	98,14%
Công ty Cổ phần Milli Land	Lô số 34 Đường B4 Khu đô thị VCN Phước Hải, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng	Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 32, Ấp 6, Xã Bình Đại, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	95,00%	95,00%	95,00%

Theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐQT/HSL ngày 24/04/2026 về việc thoái vốn Công ty con là Công ty Cổ phần Green Energy and Environment có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802565368 cấp ngày 02/10/2025. Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện thoái vốn với mục đích là cơ cấu lại danh mục đầu tư.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh tỉnh Hậu Giang – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	
Chi nhánh nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	Bản Tà Làng Trung, Xã Chiềng Hắc, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2026/NQ-HĐQT/HSL ngày 26/05/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển thực phẩm Hồng Hà về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh Nhà máy sản xuất Công ty cổ phần Đầu tư phát triển thực phẩm Hồng Hà.

1.6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tổng số nhân viên của Công ty là 5 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7 người).

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng Quý 2

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính riêng Quý 2 đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu kỳ" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính riêng Quý 2 đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

1.8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường HOSE thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "HSL" theo Quyết định số 150/QĐ-SGDCKHCM ngày 26 tháng 04 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 10 tháng 05 năm 2018.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng Quý 2.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng Quý 2.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) và theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng Quý 2 của toàn Công ty bao gồm thông tin tài chính của cả trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc có phần cấp hay không phân cấp cho đơn vị trực thuộc lập Báo cáo tài chính riêng Quý 2. Các giao dịch nội bộ, số dư giữa các đơn vị trực thuộc được phân cấp Báo cáo tài chính riêng Quý 2 và giữa trụ sở chính với các đơn vị trực thuộc được phân cấp lập Báo cáo tài chính riêng Quý 2 được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời từ chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trong quá trình nắm giữ, Công ty không tái phân loại chứng khoán kinh doanh thành khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và ngược lại.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán niêm yết hoặc giá trị hợp lý chứng khoán được xác định tin cậy: giá trị thị trường của chứng khoán tại thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với chứng khoán kinh doanh không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm tài chính, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến nhà đầu tư có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian phù hợp với thời gian tạo ra lợi ích kinh tế tương ứng. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Thời gian phân bổ các chi phí chờ phân bổ chủ yếu của Công ty như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4.6. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Việc xác định phương pháp kế toán áp dụng căn cứ vào bản chất thực tế của từng hợp đồng, đặc biệt là sự tồn tại hay không của quyền đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được xác định khi các quyết định liên quan đến các hoạt động chủ yếu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

của BCC đòi hỏi phải có sự đồng thuận của tất cả các bên có quyền kiểm soát chung, không phụ thuộc vào tỷ lệ góp vốn hay hình thức pháp lý của hợp đồng.

Đối với BCC có quyền đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trực tiếp trên Báo cáo tài chính của mình phần tài sản đồng kiểm soát mà mình được hưởng, các khoản nợ phải trả phát sinh riêng và phần nợ phải trả chung phải gánh chịu; đồng thời ghi nhận phần doanh thu và chi phí được phân chia theo thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với kỳ kế toán phát sinh.

Tài sản góp vào BCC mà không chuyển quyền sở hữu được Công ty tiếp tục ghi nhận trên sổ kế toán và theo dõi chi tiết mục đích sử dụng cho BCC, không ghi giảm tài sản. Tài sản góp vào BCC có chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung được Công ty ghi giảm khỏi sổ kế toán kể từ thời điểm chuyển giao. Phần lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc góp tài sản chỉ được ghi nhận tương ứng với phần lợi ích của các bên khác trong BCC; phần tương ứng với lợi ích của chính Công ty được hoãn lại cho đến khi tài sản được bán ra bên ngoài BCC hoặc được khấu hao. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng, Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình theo giá trị được chia theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Tài sản đồng kiểm soát được chia ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó được đánh giá lại theo chính sách kế toán của Công ty áp dụng cho loại tài sản tương ứng. Khi BCC chấm dứt hoặc Công ty rút khỏi BCC, tài sản và nợ phải trả được chia ghi nhận theo giá trị thỏa thuận tại thời điểm thanh lý; chênh lệch so với giá trị ghi sổ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Nếu Công ty được chỉ định là bên kế toán và quyết toán thuế cho BCC, Công ty ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí phát sinh của BCC vào sổ kế toán để làm căn cứ đối chiếu và xác định nghĩa vụ thuế, sau đó phân bổ cho các bên tham gia BCC. Trường hợp Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế cho BCC, Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC căn cứ vào Bảng phân bổ doanh thu, chi phí chung do bên kế toán thống báo.

Đối với BCC không có quyền đồng kiểm soát

Trường hợp Công ty tham gia BCC nhưng không có quyền đồng kiểm soát, khoản tham gia này được ghi nhận là khoản đầu tư tài chính, phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo kỳ hạn còn lại tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Lợi nhuận được chia từ BCC được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi Công ty có quyền nhận. Dự phòng tổn thất (nếu có) được trích lập theo quy định về dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (xem thuyết minh số 5.2.3).

Nếu BCC quy định Công ty được hưởng một khoản lợi ích cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC, khoản được chia từ BCC được ghi nhận là doanh thu cho thuê tài sản (nếu góp vào BCC bằng tài sản phi tiền tệ) hoặc lãi cho vay vốn (nếu góp vào BCC bằng tiền).

4.7. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận bao gồm các khoản cổ tức, lợi nhuận Công ty phải trả cho cổ đông.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh hoặc được ước tính hợp lý nhưng chưa có đủ hồ sơ, chứng từ để ghi nhận chính thức, bao gồm: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

vụ đã nhận nhưng chưa có hóa đơn; các khoản trích trước chi phí sản xuất kinh doanh như lương nghỉ phép, chi phí bảo hành và các khoản trích trước khác theo quy định.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

Cổ tức ưu đãi được xử lý theo bản chất phân loại của cổ phiếu ưu đãi: trường hợp cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức tương ứng không được ghi nhận từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Trường hợp được phân loại là vốn chủ sở hữu, cổ tức ưu đãi được xử lý tương tự cổ tức cổ phiếu phổ thông. Khi ghi nhận nghĩa vụ chi trả, cổ tức phải trả bằng tiền được hạch toán vào "Phải trả cổ tức, lợi nhuận" và được trình bày là nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính.

4.10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

4.11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

4.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.13. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng: doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

4.14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty con.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đến Công ty (bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty (bao gồm Ban Tổng Giám đốc và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).
- Các doanh nghiệp do các cá nhân thuộc các nhóm trên kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: vợ/chồng, con đẻ, con nuôi, con riêng và những người phụ thuộc của cá nhân đó hoặc vợ/chồng của họ.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Hồng Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	Công ty con
Công ty Cổ phần Milli Land	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông Nghiệp Bình Thắng	Công ty con
Công ty Cổ phần Green Energy & Environment	Công ty con đến ngày
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần dịch vụ, Sản xuất và Kinh doanh Lâm Nghiệp Hà Nội	Công ty liên doanh, liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Tiền mặt	1.086.839.743	1.398.674.549
Tiền gửi không kỳ hạn – VND		
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11.492.610	27.911.941.992
+ Các ngân hàng, tổ chức khác	76.256.128	80.918.065
	1.174.588.481	29.391.534.606

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.2. Các khoản đầu tư tài chính**5.2.1. Chứng khoán kinh doanh**

	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị dự phòng VND
Cổ phiếu	38.129.958.000	38.129.958.000	(5.293.288.000)	34.410.780.000	34.410.780.000	-
- Công ty cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt (AVG)	12.420.408.000	7.127.120.000	(5.293.288.000)	12.420.408.000	12.420.408.000	-
Công ty cổ phần tập đoàn TNT (TNT) (i)	25.709.550.000	28.911.250.000	-	21.990.372.000	21.225.660.000	-
	38.129.958.000	36.038.370.000	(5.293.288.000)	34.410.780.000	33.646.068.000	-

(i) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập Đoàn TNT: giảm do bán 1.340.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 12.706.631.000 VND, mua thêm 1.414.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 16.425.809.000 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	(764.712.000)	-
Trích lập trong kỳ	(4.528.576.000)	-
Số dư cuối kỳ	(5.293.288.000)	272.314.425

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Ngắn hạn	26.845.676.716	26.845.676.716	-	26.433.095.892	26.433.095.892	-
Cho vay						
Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Hồng Hà (i)	26.000.000.000	26.000.000.000	-	26.000.000.000	26.000.000.000	-
Lãi cho vay dự thu						
Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Hồng Hà	845.676.716	845.676.716	-	433.095.892	433.095.892	-
	26.845.676.716	26.845.676.716	-	26.433.095.892	26.433.095.892	-

(i) Cho Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Hồng Hà vay theo hợp đồng số 062025/HSL-HH ngày 25 tháng 06 năm 2025 và phụ lục gia hạn vay 2003/2026/HSL-HH/PLHĐ gia hạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2026 đến 26 tháng 09 năm 2026 với mức lãi suất 3,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	224.500.000.000		-	334.500.000.000		-
Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Hồng Hà (1)	98.000.000.000	(*)	-	98.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu (2)	53.000.000.000	(*)	-	53.000.000.000	(*) (6.727.559.419)	-
Công ty Cổ phần Milli Land (3)	45.000.000.000	(*) (909.696.057)	-	45.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông Nghiệp Bình Thắng (4)	28.500.000.000	(*)	-	28.500.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Green Energy & Environment (5)	-	-	-	110.000.000.000	(*)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	33.730.000.000	33.630.000.000	-			
Công ty Cổ phần Green Energy & Environment (5)	1.100.000.000	(*)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Ocean Gate Capital - Hợp tác kinh doanh (6)	32.630.000.000	32.630.000.000	-	-	-	-
	258.230.000.000	33.630.000.000 (909.696.057)		334.500.000.000	- (6.727.559.419)	

- (1) Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Hồng Hà thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109011426 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 12 năm 2019 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 31 tháng 07 năm 2025. Vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Hồng Hà là 98.000.000.000 VND chiếm 98,00% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Hồng Hà chưa phát sinh doanh thu liên quan đến hoạt động chính. Tại thời điểm 30/06/2026, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.
- (2) Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500533862 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 03 năm 2016 và lần thay đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 23 tháng 10 năm 2025. Vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Hồng Hà là 53.000.000.000 VND chiếm 98,00% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu chưa phát sinh doanh thu liên quan đến hoạt động chính. Tại thời điểm 30/06/2026, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.
- (3) Công ty Cổ phần Milli Land thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4202035933 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 08 năm 2025. Vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Milli Land là 45.000.000.000 VND chiếm 90,00% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty Cổ phần Milli Land phát sinh doanh thu liên quan đến hoạt động chính. Tại thời điểm 30/06/2026, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

- (4) Công ty Cổ phần Đầu tư Nông Nghiệp Bình Thắng thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 130115405 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 08 năm 2025 và lần đầu thay đổi ngày 05/06/2026 . Vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nông Nghiệp Bình Thắng là 28.500.000.000 VND chiếm 95,00% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty Cổ phần Đầu tư Nông Nghiệp Bình Thắng chưa phát sinh doanh thu liên quan đến hoạt động chính. Tại thời điểm 30/06/2026, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.
- (5) Theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐQT/HSL ngày 24/04/2026 về việc thoái vốn Công ty con là Công ty Cổ phần Green Energy and Environment có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802565368 cấp ngày 02/10/2025. Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện thoái vốn với mục đích là cơ cấu lại danh mục đầu tư.Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐCN ngày 24/06/2026, Công ty đồng ý bán cho ông Lê Văn Hoan với 10.890.000 Cổ phần với giá là 10.700VND/Cổ phần chiếm 99% tổng số vốn điều lệ
- (6) Là khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2026/HĐHTĐT/HSL-OGC ngày 23 tháng 06 năm 2026 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Ocean Gate Capital với mục đích hợp tác để cùng đầu tư phát triển các dự án liên quan đến lĩnh vực y tế, cụ thể là nhận chuyển nhượng lại Bệnh viện, cơ sở y tế bằng hình thức mua lại cổ phần, phần vốn góp của Công ty đang sở hữu Bệnh viện cơ sở y tế, và/hoặc Bên B tự phát triển Dự án Bệnh viện, cơ sở y tế để hai bên cùng đầu tư, quản lý và khai thác có hiệu quả. Thời gian hợp tác 5 năm, Tổng vốn đầu tư dự án là 65.260.000.000 Công ty đồng ý góp 50%. Công ty đề Công ty Cổ phần Ocean Gate Capital tiến hành thực hiện các công việc để hoàn thành mục đích và nội dung mà hai bên cùng hợp tác. Phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ sở hữu của từng bên sau khi đã trừ các chi phí hợp lý. Tiền vốn đầu tư sẽ được tính vào giá trị đầu tư của Bên A trong Công ty/Dự án mà hai bên thống nhất đầu tư. Hàng năm hai bên tiến hành quyết toán các chi phí và phân chia lợi nhuận cho đến khi hoàn tất việc hợp tác.

Giá trị có thể thu hồi

(*) Giá trị có thể thu hồi của các công ty con và đầu tư vào đơn vị khác được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của công ty con theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con chưa hoạt động phát sinh doanh thu chính, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con (Xem tại mục 8.1.2).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	6.727.559.419	796.654.615
Trích lập/Hoàn nhập trong kỳ	(5.817.863.362)	7.897.665.603
Số dư cuối kỳ	909.696.057	8.694.320.218

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.3. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.3.1 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Lê Bùi Hồng Ngọc (i)	4.589.099.588	-	5.138.714.384	-
Bùi Thị Thùy Linh (ii)	4.494.612.987	-	4.284.081.370	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng – Giao dịch bán chứng khoán	3.451.000.000	-		
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.269.531	-	4.385.349	-
	12.544.982.106	-	9.427.181.103	-

(i) Là khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2025/HĐHTĐT ngày 16/08/2025 và 03/2025/HĐHTĐT ngày 18/08/2025 giữa Công ty và bà Lê Bùi Hồng Ngọc với mục đích hợp tác nhằm giúp Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích, vị trí thuận lợi nhằm phát triển quỹ đất nông nghiệp của Công ty và hợp tác nhằm phát triển dự án “Trồng trọt, chăn nuôi kết hợp du lịch nông nghiệp tại xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa” đến thời điểm hiện tại dựa trên Biên bản thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-03/2025/HĐHTĐT-BBTL ngày 11 tháng 12 năm 2025 công việc đã hoàn thành và thực hiện cần trả hoàn trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký biên bản ngoài ra thanh toán 15,5% khoản phí còn lại dựa trên số dư thực tế bà Lê Bùi Hồng Ngọc chưa hoàn trả. Đến thời điểm hiện tại Bà Lê Bùi Hồng Ngọc chưa thanh toán đầy đủ khoản tiền còn lại cho Công ty.

(ii) Là khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2025/HĐHTĐT/HS ngày 16/08/2025 giữa Công ty và bà Bùi Thị Thùy Linh với mục đích hợp tác đầu tư thêm, cùng sở hữu và kinh doanh hiệu quả Công ty/Dự án nông nghiệp. Đến thời điểm hiện tại dựa trên Biên bản thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2025/HĐHTĐT-BBTL ngày 12 tháng 12 năm 2025 công việc đã hoàn thành và thực hiện cần trả hoàn trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký biên bản ngoài ra thanh toán 15,5% khoản phí còn lại dựa trên số dư thực tế bà Bùi Thị Thùy Linh chưa hoàn trả. Đến thời điểm hiện tại Bà Bùi Thị Thùy Linh chưa thanh toán đầy đủ khoản tiền còn lại cho Công ty.

5.3.2 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Phạm Văn Luận (i)	27.825.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty Cổ phần Minh Ngọc - Hợp tác đầu tư (ii)	59.000.000.000	-	59.000.000.000	-
	86.825.000.000	-	59.000.000.000	-

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 02/2026/NQ-HĐQT/HSL ngày 05 tháng 01 năm 2026. triển khai và giao việc cho Tổng Giám đốc khảo sát, đầu tư: Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đắk Lắk, An Giang, Vĩnh Long và các địa phương khác phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Mục tiêu đầu tư: Hình thành quỹ đất phục vụ phát triển vùng nguyên liệu, sản xuất nông nghiệp và đầu tư dài hạn với tổng hạn mức đầu tư: 27.825.000.000 đồng. Thời gian thực hiện đến hết năm 2027.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

(ii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà và Công ty Cổ phần Minh Ngọc về việc góp vốn thực hiện dự án "Khu nhà ở Minh Ngọc". Theo đó, Công ty đầu tư 59 tỷ đồng (năm mươi chín tỷ đồng) vào dự án. Lợi nhuận từ việc khai thác, mở bán, giao dịch các sản phẩm bất động sản theo phụ lục hợp đồng bao gồm (59 thửa đất tổng diện tích 4.039,7m²) sẽ được hai bên thống nhất phân chia theo tỷ lệ mỗi bên 50%, lợi nhuận được tính sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan. Tiền vốn đầu tư sẽ được Công ty Cổ phần Minh Ngọc hoàn trả cho Công ty căn cứ theo số diện tích đất của Dự án đã bán ra trong năm quyết toán. Tiền vốn đầu tư được hoàn trả cùng lúc với phân chia lợi nhuận được chia. Đến nay chưa thực hiện hoàn vốn và phân chia lợi nhuận nguyên nhân do Chủ đầu tư vẫn chưa xuất trình được Văn bản/Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hạ tầng kỹ thuật từ cơ quan quản lý nhà nước (Sở Xây dựng Bình Dương). Chưa thể sang tên quyền sử dụng đất cho Cư dân.

5.4. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn, dài hạn**5.4.1 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	4.727.179	9.701.161
	4.727.179	9.701.161

5.4.2 Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Công cụ dụng cụ	8.498.707	8.498.707
	8.498.707	8.498.707

5.5. Phải trả người bán

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Định giá và Tư vấn Đầu tư Quốc tế	-	60.000.000
Công ty TNHH HT Brothers Việt Nam	51.261.783	51.261.783
Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt	59.400.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng	16.105.828	-
Các nhà cung cấp khác	8.069.760	12.500.000
	134.837.371	123.761.783

5.5.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ			Cuối kỳ
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ VND	Phải nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	130.817.672	2.368.963.483	(538.388.383)	-	1.961.392.772
Thuế thu nhập cá nhân	4.611.881	16.479.294	(6.489.470)	-	14.601.705
	135.429.553	2.385.442.777	(544.877.853)	-	1.975.994.477

Toàn bộ nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp để tính và kê khai thuế đối với các khoản thu nhập từ nước ngoài là 20%. Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc loại thuế tương tự thuế thu nhập doanh nghiệp ở ngoài Việt Nam thì doanh nghiệp được trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp nhưng tối đa không quá số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm theo quy định.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ước tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.834.740.950	(7.496.572.646)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.076.463	171.575.671
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	11.844.817.413	(7.324.996.975)
Thu nhập tính thuế	11.844.817.413	(7.324.996.975)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.368.963.483	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.368.963.483	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.7 Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Phải trả các đối tượng khác		
Lương Thị Huyền (i)	-	33.750.000.000
Đồng Văn Quang (i)	-	49.500.000.000
Đỗ Thị Duyên (i)	-	225.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng – Giao dịch ứng trước tiền bán chứng khoán	3.429.247.131	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.032.750	-
	3.430.279.881	83.475.000.000

(i) Là khoản tiền nhận từ việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu phải hoàn trả cho các cá nhân.

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.8 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu kỳ VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.894.382.508	-	-	8.894.382.508
	8.894.382.508	-	-	8.894.382.508

5.9 Vốn chủ sở hữu**5.9.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025				
Tại ngày đầu kỳ	385.673.630.000	4.447.191.254	3.586.181.000	393.707.002.254
Lãi trong kỳ	-	-	(7.496.572.646)	(7.496.572.646)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	(408.000.000)	(408.000.000)
Tại ngày cuối kỳ	385.673.630.000	4.447.191.254	(4.318.391.646)	385.802.429.608
Từ 01/07/2025 đến 31/12/2025				
Tại ngày đầu kỳ	385.673.630.000	4.447.191.254	(4.318.391.646)	385.802.429.608
Lãi trong kỳ	-	-	8.004.220.799	8.004.220.799
Tại ngày cuối kỳ	385.673.630.000	4.447.191.254	3.685.829.153	393.806.650.407
Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026				
Tại ngày đầu kỳ	385.673.630.000	4.447.191.254	3.685.829.153	393.806.650.407
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	9.315.693.930	9.315.693.930
Tại ngày cuối kỳ	385.673.630.000	4.447.191.254	13.001.523.083	403.122.344.337

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.9.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông

Cổ đông	Cổ phiếu	Cuối kỳ		Cổ phiếu	Đầu kỳ	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Đỗ Hà Anh	2.373.500	23.735.000.000	6,15	2.373.500	23.735.000.000	6,15
Ông Lê Văn Đức	1.199.000	11.990.000.000	3,11	1.199.000	11.990.000.000	3,11
Các cổ đông khác	34.994.863	402.600.000.000	90,74	34.994.863	349.948.630.000	90,74
	38.567.363	385.673.630.000	100,00	38.567.363	385.673.630.000	100,00

5.9.3 Cổ phiếu

	Cuối kỳ Cổ phiếu	Đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.567.363	38.567.363
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.567.363	38.567.363
- Cổ phiếu phổ thông	38.567.363	38.567.363
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.567.363	38.567.363
- Cổ phiếu phổ thông	38.567.363	38.567.363
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG QUÝ 2**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	-	27.881.834.800
Doanh thu cho thuê tài sản	-	425.286.000
	-	28.307.120.800

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại Mục 7.1.

6.2 Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	27.827.749.750
Giá vốn cho thuê tài sản	-	374.529.492
	-	28.202.279.242

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	854.364.277	1.800.747.018
Lãi chuyển nhượng công ty con	7.623.000.000	-
Lãi bán chứng khoán	3.755.369.000	-
	<u>12.232.733.277</u>	<u>1.800.747.018</u>

6.4 Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(684.735.362)	8.169.980.028
Phí bán chứng khoán	32.741.588	-
Các chi phí tài chính khác	-	35.068
	<u>(651.993.774)</u>	<u>8.170.015.096</u>

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí cho nhân viên	429.475.417	374.360.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	303.202.122
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	213.096.424	547.307.454
	<u>642.571.841</u>	<u>1.224.870.447</u>

6.6 Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạt do vi phạm hợp đồng	417.375.000	-
Tiền phạt vi phạm hành chính về thuế	10.076.463	7.275.673
	<u>427.451.463</u>	<u>7.275.673</u>

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá mua hàng hóa đã bán	-	27.827.749.750
Chi phí nhân công	429.475.417	374.360.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	303.202.122
Chi phí khác	213.096.424	921.836.946
	<u>642.571.841</u>	<u>29.427.149.689</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

7 CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạm Văn Luận		
Tạm ứng thực hiện đầu tư	27.825.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	-	63.640.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên	-	30.000.000
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên	-	30.000.000
Ông Lưu Chiến Thắng	Thành viên	-	30.000.000
Ban kiểm soát			
Ông Dương Quân Anh	Trưởng ban	-	18.000.000
Ông Đặng Quốc Hưng	Thành viên	-	53.500.000
Bà Bùi Phương Anh	Thành viên	-	53.500.000
Ban điều hành			
Ông Phạm Văn Luận	Tổng Giám Đốc	125.232.630	77.500.000
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Tổng Giám Đốc	-	77.500.000
Bà Trần Ngọc Lan	Kế toán trưởng	-	35.500.000
		125.232.630	391.640.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu		
Cho thuê tài sản	-	425.286.000
Thu tiền cho thuê tài sản	-	467.814.600
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà		
Lãi cho vay	412.580.824	451.134.793
Thu tiền cho vay	-	32.460.000.000
Cho vay	-	26.000.000.000
Thu tiền lãi cho vay	-	607.356.162

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở các Mục 5.2.2, 5.2.3, 5.3.1.

8.1 Thông tin về bộ phận

Công ty trình bày thông tin về bộ phận trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8.2 Số liệu so sánh**8.2.1 Áp dụng thay đổi trong chính sách kế toán, quy định kế toán mới**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

8.2.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng thay đổi trong chính sách kế toán, quy định kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng thay đổi trong chính sách kế toán, quy định kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
Báo cáo tình hình tài chính				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	-	26.433.095.892	26.433.095.892
Phải thu ngắn hạn khác	135	9.860.276.995	(433.095.892)	9.427.181.103
		9.860.276.995	26.000.000.000	35.860.276.995

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Người lập biểu
PHAN GIANG CHÂU



Kế toán trưởng
PHAN GIANG CHÂU




Tổng Giám đốc
PHẠM VĂN LUẬN
Hà Nội, Việt Nam

Phê duyệt, ngày 30 tháng 07 năm 2026